

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP  
Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội  
Mã số thuế: 0100101379

\*\*\*\*\*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Quý 4 năm 2017*

Gồm các biểu:

- |                                  |                   |
|----------------------------------|-------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán          | (Mẫu số B01 - DN) |
| 2. Bảng kết quả kinh doanh       | (Mẫu số B02 - DN) |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ    | (Mẫu số B03 - DN) |
| 4. Thuyết minh báo cáo tài chính | (Mẫu số B09 - DN) |

Hà Nội, tháng 01 năm 2013



## MỤC LỤC

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	2 – 4
2	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	5- 6
3	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	7
4	<i>Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	8 - 26



(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	20/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.426.728.652.172</b>	<b>1.488.369.735.400</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>66.050.558.362</b>	<b>94.969.758.432</b>
1. Tiền	111		29.321.063.524	47.358.884.358
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.729.494.838	47.610.874.074
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>270.992.458.328</b>	<b>269.554.758.648</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	<b>6.1</b>	1.468.545.629	1.468.545.629
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	<b>6.2</b>	269.523.912.699	268.086.213.019
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>657.226.966.295</b>	<b>759.421.023.114</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>7.1</b>	557.637.561.428	583.945.657.448
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.881.981.413	73.964.532.869
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		839.612.222	663.261.783
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>6.5</b>	2.800.000.000	2.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>8.1</b>	98.457.774.051	98.386.657.041
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(62.320.623.498)	(104.086.027)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.930.660.679	65.000.000
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>316.618.373.733</b>	<b>255.320.148.072</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>9.1</b>	316.618.373.733	255.320.148.072
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	<b>9.2</b>	-	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>115.840.295.454</b>	<b>109.104.047.134</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>10.1</b>	288.477.596	128.595.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.889.240.949	14.356.804.507
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>15</b>	100.597.576.909	94.618.647.280
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		65.000.000	-
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>885.103.233.823</b>	<b>877.093.720.803</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.736.582.495</b>	<b>733.623.467</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	494.487.234
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		15.000.000	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>8.2</b>	2.721.582.495	239.136.233
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>672.619.095.424</b>	<b>675.474.849.169</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>11</b>	637.039.280.642	636.256.029.740
- Nguyên giá	222		896.710.506.286	876.710.584.590
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(259.671.225.644)	(240.454.554.850)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-

(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

				Đơn vị tính: VND	
3.	Tài sản cố định vô hình	227	12	35.579.814.782	39.218.819.429
	- Nguyên giá	228		37.860.113.006	40.695.113.006
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.280.298.224)	(1.476.293.577)
<b>III-</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>7.298.755.379</b>	<b>-</b>
	- Nguyên giá	231		9.624.246.073	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.325.490.694)	-
<b>IV-</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>58.201.387.031</b>	<b>56.403.960.012</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	68.790.000
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		58.201.387.031	56.335.170.012
<b>V-</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>86.045.994.713</b>	<b>86.968.289.905</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.4	54.461.706.675	57.688.749.567
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.4	29.279.540.338	29.279.540.338
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(695.252.300)	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.000.000.000	-
<b>VI-</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>58.201.418.781</b>	<b>57.512.998.250</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	10.2	58.201.418.781	57.512.998.250
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>270</b>		<b>2.311.831.885.995</b>	<b>2.365.463.456.203</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	20/01/2017
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>894.028.821.535</b>	<b>950.864.267.590</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>762.474.542.057</b>	<b>821.040.801.090</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	152.855.067.114	195.536.246.073
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		64.763.575.357	97.319.239.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	33.236.829.269	32.295.998.593
4. Phải trả người lao động	314		172.928.578.599	197.699.458.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16.1	54.002.487.667	52.874.811.958
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		98.836.775	61.675.466
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.371.737.380	1.880.989.903
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17.1	52.898.094.452	56.564.437.100
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.1	222.287.126.884	176.155.484.398
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		405.594.415	1.869.999.417
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		6.626.614.145	8.782.460.078
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>131.554.279.478</b>	<b>129.823.466.500</b>
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	16.2	43.949.078	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	17.2	129.220.585.401	127.680.100.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.2	2.101.244.999	2.143.366.500
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.417.803.064.460</b>	<b>1.414.599.188.613</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1.417.803.064.460</b>	<b>1.414.599.188.613</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19.a	1.419.993.316.099	1.419.993.316.099
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.419.993.316.099	1.419.993.316.099
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	233.046.766
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(2.689.138.098)	(4.602.865.297)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.705.673.374	1.522.107.908
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.185.674.733)	(9.781.097.109)
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		5.978.887.818	7.234.680.246
<b>II- Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.311.831.885.995</b>	<b>2.365.463.456.203</b>

Ghi chú: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần ngày 20/01/2017. Số liệu tại ngày 20/01/2017 nêu trên chưa được điều chỉnh theo Quyết toán thuế tại thời điểm 20/01/2017 (do một số đơn vị phụ thuộc Cơ quan thuế chưa Quyết toán xong) và các nội dung điều chỉnh khác khi Quyết toán Cổ phần hóa.

Người lập



Lê Tuấn Anh

Trưởng ban TCKT



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải



(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ ngày 20/01/2017 đến 31/12/2017	Lũy kế từ ngày 01/01/2017 đến 20/01/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	404.190.085.473	53.151.332.454	1.166.152.382.534	53.151.332.454
2. Các khoản giảm trừ	02	20	4.330.334		63.815.048	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10	20	404.185.755.139	53.151.332.454	1.166.088.567.486	53.151.332.454
4. Giá vốn hàng bán	11	21	376.914.976.600	46.212.256.423	1.091.835.918.057	46.212.256.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		27.270.778.539	6.939.076.031	74.252.649.429	6.939.076.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.281.406.646	6.447.057.064	96.519.503.100	6.447.057.064
7. Chi phí tài chính	22	23	3.402.436.087	4.003.741.052	12.250.803.764	4.003.741.052
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.402.436.087	65.893.675	11.324.108.518	65.893.675
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9. Chi phí bán hàng	25		1.558.273.360	146.814.297	4.026.817.386	146.814.297
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		19.740.354.071	8.118.412.364	142.991.339.864	8.118.412.364
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		7.851.121.667	1.117.165.382	11.503.191.515	1.117.165.382
12. Thu nhập khác	31	24	1.752.919.627	654.572.521	4.712.721.866	654.572.521
13. Chi phí khác	32	24	1.886.583.384	36.186.814	5.288.863.134	36.186.814
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	(133.663.757)	618.385.707	(576.141.268)	618.385.707
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.717.457.910	1.735.551.089	10.927.050.247	1.735.551.089
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.295.550.570	827.101.012	1.779.705.324	827.101.012



(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B02 - DN/HN


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Đơn vị tính: VND	
					Lũy kế từ ngày 20/01/2017 đến 31/12/2017	Lũy kế từ ngày 01/01/2017 đến 20/01/2017
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-		
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		6.421.907.340	908.450.077	9.147.344.922	908.450.077
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		6.434.390.868	949.779.886	9.195.345.466	949.779.886
20. Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		(12.483.528)	(41.329.809)	(48.000.543)	(41.329.809)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Người lập



Lê Tuấn Anh

Trưởng Ban TCKT



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ ngày 20/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2017 đến 20/01/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.927.050.247	908.450.077
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		22.346.166.135	5.094.779.346
- Các khoản dự phòng	03		62.911.789.771	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(96.519.503.100)	(2.659.427.909)
- Chi phí lãi vay	06		11.324.108.518	65.893.675
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.989.611.571	3.409.695.189
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31.698.194.249	34.329.004.709
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(61.298.225.661)	1.417.998.509
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(58.566.259.033)	(26.202.553.624)
- Tăng, giảm Chi phí trả trước	12		(848.302.780)	(3.254.258.649)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.324.108.518)	(113.712.245)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.969.619.276)	(80.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		15.410.429.271	8.484.688.922
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(18.205.912.578)	(5.221.776.149)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(95.114.192.755)</b>	<b>12.769.086.662</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21		(10.343.352.746)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.149.717.683)	(53.149.440.775)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		61.388.221.698	4.220.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	1.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.037.577.557	109.972.485
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		96.519.503.100	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>22.452.231.926</b>	<b>(47.819.468.290)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		560.950.787.716	27.709.283.959
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(517.208.026.957)	(32.680.837.085)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>43.742.760.759</b>	<b>(4.971.553.126)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(28.919.200.070)</b>	<b>(40.021.934.754)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>94.969.758.432</b>	<b>134.991.693.186</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>66.050.558.362</b>	<b>94.969.758.432</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

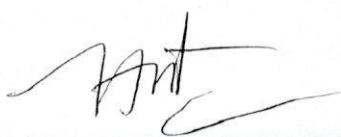
Người lập

Trưởng ban TCKT

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Anh



Trần Thị Thu Trang



Nguyễn Khắc Hải



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (MIE) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 155/HDBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 0106000827 ngày 08/02/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lại lần thứ nhất ngày 02/01/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/4/2008. Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 3168 /QĐ-BCT về việc chuyển Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Ngày 31 tháng 08 năm 2010, Tổng Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với Mã số doanh nghiệp 0100101379.

Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Bộ Công thương ban hành Quyết định số 12494/QĐ-BCT về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa. Theo đó, giá trị thực tế của Tổng Công ty tại ngày 01/10/2014 là 1.643.744.120.130 đồng và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại ngày 01/10/2014 là 1.419.914.515.000 đồng.

Tổng công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 11/05/2017, với mức vốn điều lệ là 1.419.915.000.000 đồng

Ngày 09/05/2017, Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 2544/UBCKNN-GSĐC.

Ngày 08/12/2017, Tổng công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn Upcom theo Quyết định số 999/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyên giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

#### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty đã thoái vốn tại Công ty Cổ phần cơ khí Cửu Long. Các công ty con và Công ty liên kết khác như sau:

Công ty con:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100%	Sản xuất các sản phẩm cơ khí, luyện kim; Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí siêu trường siêu trọng, các phụ tùng và thiết bị cơ khí	Số 76, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
2	Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100%	Thiết bị, sản phẩm cơ khí thủy công, thiết bị công nghiệp; Vô máy biến thế; Thiết bị, phụ tùng ngành xây dựng	Số 360 Đường Giải phóng - Phường Phương Liệt - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội
3	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm Cơ khí	100%	Kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí, luyện kim, khoáng sản và tinh quặng kim loại; Sản xuất và kinh doanh các chi tiết cơ khí tiêu chuẩn	Số 35-37 phố Tràng Thi, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
4	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	100%	Xuất nhập khẩu các công trình và dây chuyền thiết bị toàn bộ, máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải, nguyên vật liệu sản xuất	Số 16-18 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
5	Công ty cổ phần Cơ khí Duyên Hải	98,19%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm công nghiệp cơ khí chế tạo: phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc,	Số 133 đường 5 cũ, Phường Quán Toan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng
6	Công ty cổ phần Dụng cụ số 1	51%	Dụng cụ cắt, gia công chi tiết cơ khí	129A - Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - TP Hà Nội

**Công ty liên kết:**

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
1	Công ty cổ phần Đầu tư Thương Mại Sài Gòn – Hà Nội	20%	Dịch vụ lưu trú	Nhà số 42 TT Học viện An ninh, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng năm 2017, kỳ kế toán Tổng công ty bắt đầu từ 20/01/2017 và kết thúc ngày 31/12/2017

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam (ký hiệu “VND”).

### 3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2017

##### *Công ty con*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con bao gồm: Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung, Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội, Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Sản phẩm Cơ khí, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và kỹ thuật, Công ty CP Dụng cụ số 1, Công ty CP Cơ khí Duyên Hải.

### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trừ khi khoản đầu tư dự kiến được thanh lý trong tương lai gần và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với các khoản lãi hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, phần sở hữu các khoản tăng, giảm của các quỹ dự trữ công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong quỹ dự trữ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

### **4.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

**Nguyên tắc xác định tiền:** Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:** Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

### **4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

### **4.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.



Mẫu số B09- DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### 4.5 Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.6 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

### 4.7 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của chúng.

### 4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **4.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

#### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn cổ phần;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn Nhà nước và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp và hướng dẫn của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và. Theo đó, các khoản thu của Quỹ bao gồm:

- Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp thuộc Tổng công ty theo quy định của pháp luật về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Khoản lãi tiền gửi của quỹ;

- Các khoản thu khác theo quy định.

Các khoản chi của quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp bao gồm

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu;

- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ, điều chuyển và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Các khoản chi khác theo quy định

#### **4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng hóa:** Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 4.12 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán).

### 4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 4.14 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2017.

**4.15 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

**5 TIỀN**

	<b>31/12/2017</b>	<b>20/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.173.317.183	7.372.583.624
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.147.746.341	39.986.300.734
Tiền đang chuyển		-
<b>Cộng</b>	<b><u>29.321.063.524</u></b>	<b><u>47.358.884.358</u></b>







## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

7 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	31/12/2017 VND	20/01/2017 VND
<b>7.1 Ngắn hạn</b>	<b>557.637.561.428</b>	<b>583.945.657.448</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trên tổng phải thu khách hàng		
<b>Công ty Mẹ</b>	<b>191.693.011.028</b>	<b>178.001.612.722</b>
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	6.751.806.090	20.679.517.000
Công ty cổ phần Công nghiệp Hoá chất Tây Ninh	8.563.437.346	8.628.355.631
Công ty CP 30-4 Quảng Ngãi	6.243.669.682	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	72.080.368.984	79.401.628.984
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM	-	6.859.639.559
Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn	9.037.079.489	9.037.079.489
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	4.191.853.658	-
Tổng công ty CP thương mại xây dựng	30.556.129.340	13.083.021.127
Công ty Cổ phần cơ khí điện lực	3.342.718.153	3.792.718.153
Công ty TNHH Việt Lào	2.025.898.106	2.030.814.250
Đối tượng khác	48.900.050.180	34.488.838.529
<b>Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội</b>	<b>143.804.737.091</b>	<b>196.809.050.711</b>
Công ty CP thương mại Đức Phát	49.086.854.941	40.152.705.417
Công ty CP Nam Vang	-	49.536.854.941
Công ty TNHH 289	66.096.107.196	66.996.107.196
Coong ty CP DV&KTTH-HCD	14.019.748.533	19.278.761.282
Các đối tượng khác	14.602.026.420	20.844.621.875
<b>Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung</b>	<b>49.645.013.181</b>	<b>43.348.697.232</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh	3.230.706.858	3.230.706.858
Công ty CP Thép Hà Nội	27.264.461.695	27.264.461.695
Công ty TNHH ABB	6.182.244.247	3.406.865.578
Công ty cổ phần phát triển năng lượng Sơn Vũ	4.130.630.767	1.522.935.294
Các đối tượng khác	8.836.969.614	7.923.727.807
<b>Công ty TNHH NN MTV XNK Sản phẩm cơ khí</b>	<b>75.607.788.661</b>	<b>70.269.187.375</b>
Công ty CP TM & SX Thiên Hoàng Long	16.464.027.393	12.533.519.732
Công ty TNHH TN và XD Thái Phát	9.101.672.189	10.919.979.274
Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh	5.091.242.010	4.008.923.180
Các đối tượng khác	44.950.847.069	42.806.765.189
<b>Công ty CP Cơ khí Duyên Hải</b>	<b>15.794.048.884</b>	<b>28.343.289.156</b>
Công ty CP Nam Tiến Lào Cai		21.147.041.684
Các đối tượng khác		7.196.247.472
<b>Công ty CP cơ khí Cửu Long</b>	<b>-</b>	<b>1.367.223.813</b>
DNTN Vạn Phước	-	730.300.000
Các khách hàng khác	-	636.923.813
<b>Công ty CP Dụng cụ số 1</b>	<b>4.178.205.381</b>	<b>2.656.127.691</b>
Văn phòng công ty		1.825.365.695
Chi nhánh thành phố HCM		197.158.280
Trung tâm kinh doanh		427.693.336
Trung tâm CNC		205.910.380
Công ty TNHH Hồng Đức	5.693.800	32.507.400
Các đối tượng khác	4.172.511.581	2.623.620.291



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	76.914.757.202	63.150.468.748
Công ty CP Đầu tư và PTCN Hưng Thịnh	10.826.251.976	10.826.251.976
Công ty TNHH Đầu tư công nghệ và thương mại Việt nam	28.315.360.500	28.315.360.500
Công ty Thương mại Hà Thành	4.685.073.520	4.685.073.520
Công ty TNNN Đông Phương	2.981.124.369	2.981.124.369
Công ty CP hóa chất nhựa Việt Đức	2.405.892.449	2.405.892.449
Các đối tượng khác	27.701.054.388	19.323.782.752

## 8 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>8.1 Ngắn hạn</b>	<b>98.457.774.051</b>	-	<b>98.386.657.041</b>	-
Phải thu về cổ phần hoá	3.153.143.449	-	4.914.223.945	-
Phải thu người lao động	-	-	-	-
Phải thu khác	85.927.685.984	-	77.524.750.897	-
Trong đó				
Ông Nguyễn Duy Xuyên (*)	48.134.425.710	-	48.134.425.710	-
Phải thu khác	37.793.260.274	-	29.390.325.187	-
Tạm ứng	9.376.944.618	-	15.719.051.080	-
(*) : Là khoản công nợ phải thu của công ty Cơ khí Quang Trung				
<b>8.2 Dài hạn</b>	<b>2.721.582.495</b>	-	<b>239.136.233</b>	-
Phải thu khác	2.721.582.495	-	239.136.233	-

## 9 HÀNG TỒN KHO

9.1 Hàng tồn kho	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	11.093.331.956	-	23.946.160.211	-
Công cụ, dụng cụ	3.278.046.169	-	4.364.510.106	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	249.537.057.230	-	141.750.288.463	-
Thành phẩm	26.606.567.077	-	37.753.100.574	-
Hàng hoá	26.039.786.209	-	40.425.211.481	-
Hàng gửi đi bán	63.585.092	-	7.080.877.237	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>316.618.373.733</b>	-	<b>255.320.148.072</b>	-

## 10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	20/01/2017
	VND	VND
<b>10.1 Ngắn hạn</b>	<b>288.477.596</b>	<b>128.595.347</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	288.477.596	128.595.347
<b>10.2 Dài hạn</b>	<b>58.201.418.781</b>	<b>57.512.998.250</b>
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng nhà Máy Quý chế Từ Sơn	29.503.479.307	30.146.182.721
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	10.140.079.467	10.257.937.835
Chi phí xây dựng hạ tầng	6.880.000.000	6.880.000.000
Trợ cấp mất việc làm	2.218.285.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	9.459.531.907	10.228.792.184



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH:**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá	599.824.170.837	250.653.480.512	24.702.015.238	820.926.867	709.991.136	<b>876.710.584.590</b>
Số dư tại ngày 20/01/2017	-	11.065.397.593	497.485.000	38.817.273	-	11.601.699.866
Mua trong năm	10.303.275.698	6.243.093.807	8.550.110.354	-	-	25.096.479.859
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.389.814.246	124.246.009	-	-	-	1.514.060.255
Tặng khác	(9.624.246.073)	-	-	-	-	(9.624.246.073)
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	(136.152.342)	(497.485.000)	-	-	(633.637.342)
Thanh lý, nhượng bán	(3.569.619.921)	-	-	-	-	(3.569.619.921)
Giảm khác	(2.980.202.711)	(814.520.336)	(590.091.901)	-	-	(4.384.814.948)
Thoái vốn tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long						
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>595.343.192.076</b>	<b>267.135.545.243</b>	<b>32.662.033.691</b>	<b>859.744.140</b>	<b>709.991.136</b>	<b>896.710.506.286</b>

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư tại ngày 20/01/2017	78.747.469.341	146.851.015.330	13.954.012.788	334.064.483	567.992.908	<b>240.454.554.850</b>
Khấu hao trong năm	13.087.242.599	11.525.619.860	2.637.370.560	176.050.480	83.216.136	27.509.499.635
Chuyển sang BĐS đầu tư	(1.962.079.958)	-	-	-	-	(1.962.079.958)
Thanh lý, nhượng bán	-	(69.636.257)	(482.625.190)	-	-	(552.261.447)
Tặng khác	1.512.308.824	197.669.405	-	-	-	1.709.978.229
Giảm khác	(3.316.955.017)	(31.910.786)	(376.818.182)	-	-	(3.725.683.985)
Thoái vốn tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long	(2.619.287.050)	(623.639.432)	(519.855.198)	-	-	(3.762.781.680)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>85.448.698.739</b>	<b>157.849.118.120</b>	<b>15.212.084.778</b>	<b>510.114.963</b>	<b>651.209.044</b>	<b>259.671.225.644</b>

**Giá trị còn lại**

Số dư tại ngày 20/01/2017	521.076.701.496	103.802.465.182	10.748.002.450	486.862.384	141.998.228	<b>636.256.029.740</b>
Số dư tại ngày 31/12/2017	509.894.493.337	109.286.427.123	17.449.948.913	349.629.177	58.782.092	<b>637.039.280.642</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu B 09 - DN/HN

## 12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư tại ngày 20/01/2017	40.055.221.480	-	-	639.891.526	-	40.695.113.006
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	(2.835.000.000)	-	-	-	-	(2.835.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>37.220.221.480</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>639.891.526</b>	<b>-</b>	<b>37.860.113.006</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại ngày 20/01/2017	931.186.996	-	-	545.106.581	-	1.476.293.577
Khấu hao trong năm	785.671.310	-	-	18.333.337	-	804.004.647
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>1.716.858.306</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>563.439.918</b>	<b>-</b>	<b>2.280.298.224</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư tại ngày 20/01/2017	39.124.034.484	-	-	94.784.945	-	39.218.819.429
Số dư tại ngày 31/12/2017	35.503.363.174	-	-	76.451.608	-	35.579.814.782



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

## 13 TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	VND Giá trị có thể thu hồi
<b>13.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
<b>13.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>				
		<b>31/12/2017</b>		<b>20/01/2017</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>		-		68.790.000
Các dự án khác				
<b>b) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang ngắn hạn</b>				
Dự án di dời cơ sở sản xuất Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung		4.093.274.193		22.145.621.036
Dự án di dời cơ sở sản xuất Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội		49.190.224.262		29.066.682.472
Dự án di dời, cải tạo cơ sở sản xuất Công ty CP Dụng cụ số 1		4.917.888.576		5.122.866.504
Sửa chữa lớn tài sản cố định				-
<b>Cộng</b>		<b>58.201.387.031</b>		<b>56.403.960.012</b>
<b>14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>				
		<b>31/12/2017</b>		<b>20/01/2017</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
<b>14.1 Ngắn hạn</b>		<b>152.855.067.114</b>		<b>195.536.246.073</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn trên tổng phải trả				
<b>Công ty Mẹ</b>		<b>60.019.815.483</b>		<b>63.968.984.519</b>
Công ty CP Lắp máy xây dựng và Thương mại Bắc Hà		618.625.634		618.625.634
Công ty CP Xây dựng phát triển và Đầu tư Hà Nội		-		1.803.936.524
Công ty CP An Tín Phát - Việt Nam		-		1.978.682.976
Công ty CP kết cấu thép & thiết bị nâng Việt Nam		7.912.372.985		10.965.438.000
Công ty CP thang máy và đầu tư HTC		-		5.111.260.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long		7.340.000.000		7.340.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tú Vy				563.963.017
Công ty TNHH Tư vấn và TM Quốc tế Hoàng Dương		-		494.894.400
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam		-		535.909.035
Viện Nghiên cứu Cơ khí		1.344.887.418		1.503.287.418
Chi nhánh Miền Nam Công ty CP Nồi hơi Việt Nam		764.028.000		764.028.000
Công ty CP Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Đình Quý		558.603.499		558.603.499
Guilin gGuiye Industrial Co., Ltd		9.915.618.119		9.937.425.064
Linyi Huihang machinery Co.,Ltd		1.929.708.151		1.933.952.066
Wuhan Lidi Hydraulic Equipment Co.,Ltd		65.022.100		655.615.590
Công ty CP công nghệ công nghiệp INTEC		700.000.000		700.000.000
Đối tượng khác		28.870.949.577		18.503.363.296
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung</b>		<b>14.914.696.460</b>		<b>13.536.596.998</b>
Công ty Minh Bạch		3.110.952.400		3.110.952.400
Công ty CP thép Á Châu		3.465.841.933		3.465.841.933
Nhà máy thép Việt Mỹ		1.565.485.884		1.565.485.884
Công ty TNHH MTV xây lắp và VLXD		3.261.580.374		3.261.580.374
Đối tượng khác		1.803.955.165		2.132.736.407
<b>Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí</b>		<b>15.998.045.650</b>		<b>15.429.532.615</b>
Văn phòng công ty		10.918.830.659		9.920.835.653
Nhà máy Quy chế Từ Sơn		5.079.214.991		5.508.696.962
<b>Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Hà Nội</b>		<b>16.182.532.138</b>		<b>61.908.321.596</b>
Công ty CP kết cấu Xây dựng		3.009.365.064		2.816.402.354
Công ty CP ĐTXD hạ tầng & khai thác mỏ Tân Việt Bắc		-		1.294.537.733



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)		MẪU B 09 - DN/HN
Công ty CP Đầu tư Thương mại & Dịch vụ An Huy	5.314.989.896	42.002.466.446
Công ty CPTM và vận tải Vinh Hải	5.423.812.120	3.950.000.000
Các Công ty khác	2.434.365.058	11.844.915.063
<b>Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật</b>	<b>31.261.393.946</b>	<b>18.121.628.902</b>
Alfa Universal Co.,Ltd	5.028.231.413	5.028.231.413
Công ty TNHH Phân phối thiết bị công nghệ Hà Nội	8.975.203.559	8.975.203.559
Đối tượng khác	17.257.958.974	4.118.193.930
<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải</b>	<b>12.062.882.212</b>	<b>21.244.253.903</b>
<b>Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1</b>	<b>2.415.701.225</b>	<b>1.326.927.540</b>

## 15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	20/01/2017
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	16.434.233.224	16.416.076.103
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	880.987.016	880.987.016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.216.209.180	2.215.681.961
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.136.227.806	2.969.619.276
Thuế thu nhập cá nhân	232.240.740	460.226.916
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	143.931.607
Các loại thuế khác	8.652.549.876	5.242.429.531
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.282.664.756
<b>Cộng</b>	<b>33.236.829.269</b>	<b>32.295.998.593</b>

## 16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	20/01/2017
	VND	VND
<b>16.1 Ngắn hạn</b>	<b>54.002.487.667</b>	<b>52.874.811.958</b>
Lãi vay phải trả	4.143.054.003	4.063.513.728
Trích trước phí bảo lãnh tạm ứng và thực hiện hợp đồng	-	1.622.108.835
Phí thuê văn phòng, nhà xưởng	4.337.157.008	4.337.157.008
Chi phí có liên quan đến các Dự án di dời của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	29.840.594.085	29.840.594.085
Chi phí giải phóng mặt bằng thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	12.919.960.233	12.919.960.233
Chi phí khác	2.761.722.338	91.478.069
<b>16.2 Dài hạn</b>	<b>43.949.078</b>	<b>-</b>
Trích trước nguồn vốn dự án không hình thành lên tài sản cố định	43.949.078	-

## 17 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	20/01/2017
	VND	VND
<b>17.1 Ngắn hạn</b>	<b>52.898.094.452</b>	<b>56.564.437.100</b>
Kinh phí công đoàn	41.730.515	659.783.188
Bảo hiểm xã hội	1.187.441.645	1.872.620.112
Bảo hiểm y tế	-	73.081.064
Bảo hiểm thất nghiệp	-	32.781.207
Phải trả về cổ phần hóa	557.656.305	4.219.988.040
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.000.000	2.259.649.321
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.025.265.987	47.446.534.168
<i>Trong đó</i>		
<i>Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty CP Xi măng Đồng Bành</i>	<i>12.905.000.000</i>	<i>12.905.000.000</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>38.120.265.987</i>	<i>34.541.534.168</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)	MẪU B 09 - DN/HN	
	129.220.585.401	127.680.100.000
<b>17.2 Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	129.220.585.401	127.680.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
<i>Trong đó</i>		
<i>Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội (*)</i>	118.000.000.000	118.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào (**)</i>	9.531.600.000	9.531.600.000
<i>Các khoản phải trả khác</i>	1.688.985.401	148.500.000

(\*): Là khoản tiền nhận ứng trước để thực hiện dự án di chuyển cải tạo và nâng cao năng lực sản xuất Công ty CP Dụng cụ số 1

(\*\*): Là khoản thu do giảm phần diện tích sàn xây dựng nhận được của Dự án Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

## 18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/09/2017	20/01/2017
	VND	VND
<b>18.1 Vay ngắn hạn</b>	<b>222.287.126.884</b>	<b>176.155.484.398</b>
Các khoản vay ngân hàng	215.877.669.242	169.471.123.229
Các khoản vay cá nhân, tổ chức	2.409.457.642	2.684.361.169
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000
	<b>2.101.244.999</b>	<b>2.143.366.500</b>
<b>18.2 Vay dài hạn</b>		
Các khoản vay	1.757.878.499	1.800.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	343.366.500	343.366.500
Vay các đối tượng khác		



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất)

## 19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại TS	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Quỹ hỗ trợ sáp nhập doanh nghiệp	Cộng	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 20/01/2017	1.419.993.316.099	233.046.766	(4.602.865.297)	1.522.107.908	7.234.680.246	(9.781.097.109)	-	-	1.414.599.188.613	
Lãi trong kỳ				183.565.466	(1.255.792.428)	2.595.422.376			2.778.987.841	
Tặng khác									(1.255.792.428)	
Giảm khác										
Tại ngày 31/12/2017	1.419.993.316.099	-	(2.689.138.098)	1.705.673.374	5.978.887.818	(7.185.674.733)	-	-	1.417.803.064.460	

## Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty mẹ

	31/12/2017		20/01/2017	
	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số
Vốn cổ phần thường	-	-	-	-
1.413.846.800.000	1.413.846.800.000	1.413.846.800.000	1.413.846.800.000	1.413.846.800.000
6.068.200.000	6.068.200.000	6.068.200.000	-	6.068.200.000
<b>Cộng</b>	<b>1.419.915.000.000</b>	<b>1.419.915.000.000</b>	<b>1.419.915.000.000</b>	<b>1.419.915.000.000</b>

- Vốn góp của Nhà nước

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

## 20 DOANH THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>404.190.085.473</b>	<b>53.151.332.454</b>
Doanh thu bán hàng hóa	309.285.395.091	21.582.536.475
Doanh thu bán thành phẩm	56.994.603.209	13.947.357.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.104.238.162	985.883.177
Doanh thu hợp đồng xây dựng	32.517.853.879	16.635.555.612
Doanh thu khác	287.995.132	-
<b>Các khoản giảm trừ:</b>	<b>4.330.334</b>	<b>-</b>
Giảm giá hàng bán	4.330.334	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>404.185.755.139</b>	<b>53.151.332.454</b>

## 21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	294.895.223.143	19.806.321.265
Giá vốn của thành phẩm đã bán	51.338.896.346	12.345.832.620
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	942.922.546	62.272.288
Giá vốn hợp đồng xây dựng	29.737.934.565	13.997.830.250
<b>Cộng</b>	<b>376.914.976.600</b>	<b>46.212.256.423</b>

## 22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.765.737.125	578.917.064
Lãi chênh lệch tỷ giá	148.000.000	674.500.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	67.835.052	5.193.640.000
<b>Cộng</b>	<b>5.281.406.646</b>	<b>6.447.057.064</b>

## 23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	3.402.436.087	65.893.675
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	3.113.129.155
Chi phí tài chính khác	-	824.718.222
<b>Cộng</b>	<b>3.402.436.087</b>	<b>4.003.741.052</b>

## 24 LỢI NHUẬN KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản khác	1.752.919.627	654.572.521
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.752.919.627</b>	<b>654.572.521</b>
Các khoản khác	1.886.583.384	36.186.814
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.886.583.384</b>	<b>36.186.814</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(133.663.757)</b>	<b>618.385.707</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

25 CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 31/12/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2017.

26 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2017 đến 20/01/2017 của Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP.

Người lập

Lê Tuấn Anh

Trưởng Ban TCKT

Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

